TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2018/HS-ST
Ngày 24-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Chiến
Bà Nguyễn Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Lưu Công Quyền- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Trần Văn A (tên gọi khác: Bờm), sinh năm 1993 tại thị xã A, tỉnh B; nơi cư trú: Số nhà 244/19/10, đường Ngô Văn S, phường Đ, thị xã A, tỉnh B; nghề nghiệp: Thợ cắt tóc; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn B, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: Nguyễn Văn Y, sinh năm 1995 tại huyện P, tỉnh B; nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện P, tỉnh B; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn S, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1967; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3/ Họ và tên: Nguyễn Trung H (tên gọi khác: Út Năm), sinh năm 1992 tại thị xã An, tỉnh B; nơi cư trú: Số 270/6, đường Ngô Văn S, phường Đ, thị xã A, tỉnh B; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn

giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn G (chết) và bà Võ Thị L, sinh năm 1946; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**** Người bị hại:*** Anh Hà Văn N, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh B, vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968**;** nơi cư trú: Số nhà 244/19/10, đường Ngô Văn S, phường Đ, thị xã A, tỉnh B, có mặt.

**** Người làm chứng:***

1/ Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1987; nơi cư trú: Số nhà 270/6, đường Ngô Văn S, phường Đ, thị xã A, tỉnh B, vắng mặt.

2/ Anh Đào Văn T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Khu vực B, phường Đ, thị xã A, tỉnh B, vắng mặt.

3/ Anh Nguyễn Minh K, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số nhà 96/15, đường N, phường Đ, thị xã A, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 04/4/2018, Nguyễn Trung H đến trại gà của Trần Văn A chơi. Trong lúc cả hai nói chuyện, H nói với A là mình thích cây mai tại vườn mai của anh Hà Văn N thì A nói với H: "nếu thích thì để bữa nào A nghiên cứu cho". Sau đó, A rủ Nguyễn Văn Y là người cùng nuôi gà với A đi trộm mai. Y đồng ý.

Khoảng 01 giờ ngày 07/4/2018, Y điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 77H4-8283 (của bà Nguyễn Thị T) chở A đến bụi tre đối diện cơ sở đúc Quang Vinh thuộc thôn N, xã N, A xuống xe và bảo Y đi về, khoảng 20 phút sau thì quay lại đón A. A đi bộ đến vườn mai của anh Hà Văn N quan sát thấy không có ai trông coi, nên A nhảy qua hàng lưới B40 vào bên trong vườn mai. A đi đến cây mai dáng bay dùng hai tay lắc mạnh gốc đến khi lấy được cây mai ra khỏi chậu. A đưa cây mai ra bên ngoài, kéo đi bộ khoảng 50m thì gặp Y điều khiển xe đến. Y chở A ôm cây mai về trại gà. A đem cây mai bỏ cạnh giếng nước và đưa cho Y 200.000đ. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, A gọi điện cho H nói mới lấy trộm được cây mai dáng bay của anh N và bảo H đến xem nếu được thì đem về chơi. Nghe vậy, H đến xem mai và thấy đúng là cây mai của vườn anh N, nên H đưa cho A 1.500.000đ rồi chở cây mai đi. H đem cây mai này đến gửi tại vườn cây của anh Đào Văn T. Ngày 26/4/2018, anh T gọi cho H đến chở cây mai đi vì T mới mua thêm cây, nên không có chỗ để. H nhờ anh ruột Nguyễn Minh Đ đến vườn

cây của T chở cây mai đem đến nhà anh ruột Nguyễn Minh K gửi. Khoảng 16 giờ cùng ngày, Công an thị xã A kiểm tra, tạm giữ cây mai tại nhà anh K.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 15 ngày 03/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã A xác định: cây mai bonsai dáng bay, khoảng 20 năm tuổi, chiều cao 80cm, tán lá rộng 80cm có trị giá 30.000.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô biển kiểm soát 77H4-8283, số khung 64FC-000817, số máy 110E-0002817

Tại bản Cáo trạng số 22/QĐ-VKSAN ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Trần Văn A và Nguyễn Văn Y về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và bị cáo Nguyễn Trung H về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội bản cáo trạng đã truy tố bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã A vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

* *Về hình phạt:*

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn A từ 06 đến 09 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Y từ 03 đến 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H từ 10.000.000đ-15.000.000đ.

* *Về bồi thường thiệt hại:* Các bị cáo, người bị hại thỏa thuận bồi thường xong, nên miễn xét.

* *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết 01 xe mô tô biển kiểm soát số 77H4-8283.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm

quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định pháp luật

[2] Xét về hành vi của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội giống như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ căn cứ để xác định: Ngày 04/4/2018, sau khi nghe Nguyễn Trung H nói thích cây mai bonsai tại vườn mai anh Hà Văn N, bị cáo Trần Văn A đã nảy sinh ý định trộm cắp cây mai này cho H. Để thực hiện hành vi, bị cáo A rủ bị cáo Nguyễn Văn Y cùng tham gia. Khoảng 01 giờ ngày 07/4/2018, bị cáo Y điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 77H4-8283 chở bị cáo A đến gần vườn mai anh N. Bị cáo A đột nhập vào bên trong vườn mai, lén lút nhổ trộm 01 cây mai có dáng bay (có giá trị 30.000.000đ) đem ra ngoài rồi cùng Y chở về trại gà. Cây mai sau khi trộm được, bị cáo A bán cho bị cáo H với giá 1.500.000đ. Đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Hành vi lén lút trộm cắp cây mai của các bị cáo Trần Văn A, Nguyễn Văn Y đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Trung H mặc dù biết cây mai do bị cáo A trộm cắp mà có, nhưng vẫn đồng ý mua, nên hành vi H đã phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Là những công dân đã trưởng thành, có đủ năng lực điều khiển hành vi, ý thức được tài sản hợp pháp của người khác luôn được Nhà nước và pháp luật quan tâm bảo vệ. Bộ luật hình sự cũng đã quy định những chế tài nghiêm khắc để nhằm xử lý, nghiêm trị những ai có hành vi xâm hại đến một cách trái pháp luật. Nhưng với bản tính tham lam, muốn hưởng lợi trên thành quả lao động của người khác, các bị cáo A, Y dụng sự sơ hở, thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản của anh N mà lén lút chiếm đoạt tài sản. Bị cáo H vì hám lợi đã đồng ý mua cây mai từ bị cáo A dù biết cây mai này là do bị cáo A trộm cắp mà có.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, nên cần xử phạt các bị cáo một hình phạt tương xứng tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi các bị cáo gây ra.

Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại, phạm tội lần đầu và thuộc

trường hợp ít nghiêm trọng quy định b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự Các bị cáo có nhân thân tốt, không chịu tình tiết tăng năng trách nhiệm hình sự.

Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra thì bị cáo A chính là người rủ rê bị cáo Y và cũng là người thực hành, nên cần cách ly bị cáo ra khỏi cuộc sống bình thường một thời gian mới đủ trừng trị, răn đe. Bị cáo Y tham gia đồng phạm với vai trò giúp sức, nên hình phạt áp dụng đối với bị cáo phải nhẹ hơn. Bị cáo H vì hám lợi mà phạm tội, song bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có thu nhập, nên áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo của đủ răn đe và phòng ngừa chung.

Khi bị cáo H nói thích cây mai tại vườn mai anh N thì bị cáo A nói để bị cáo A "nghiên cứu". Bị cáo H hiểu A nói "nghiên cứu" có nghĩa là bị cáo A sẽ hỏi mua giúp H. Việc bị cáo A rủ bị cáo Y đi trộm cây mai là ngoài ý muốn của H, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã A không xử lý bị cáo H tội trộm cắp tài sản là có căn cứ.

[3] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Các bị cáo, người bị hại đã thỏa thuận giải bồi thường xong, nên miễn xét

[4] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã An Nhơn đã thu giữ: 01 xe môt tô biển kiểm soát số 77H1-8283. Xe mô tô này thuộc sở hữu của bà Nguyễn T. Việc bị cáo A lấy xe đi trộm cắp bà T không biết, nên áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự tuyên trả xe mô tô cùng Giấy đăng ký xe cho bà T.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết sô 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Trần Văn A phạm tội: "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo A 04 (bốn) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Y phạm tội: "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo Y 03 (ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung H phạm tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Xử phạt bị cáo Hiếu 10.000.000 (mười triệu) đồng, mỗi tháng nộp 1.000.000 (một triệu) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

* Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Các bị cáo, người bị hại đã thỏa thuận giải quyết xong, nên miễn xét

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên trả xe mô tô biển kiểm soát số 77H4-8283, số khung 64FC-000817, số máy 110E 0002817 (hiện đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án Dân sự thị xã A theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26/7/2018) cùng Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Văn T (đang tạm giữ tại Tòa án nhân dân thị xã A) cho bà Nguyễn Thị T.

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Trần Văn A, Nguyễn Văn Y, Nguyễn Trung H phải chịu mỗi bị cáo 200.000đ

* Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

"Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh B;*
- *VKSND tỉnh B;*
- *VKSND thị xã A;*
- *Chi cục THADS thị xã A;*
- *Công an thị xã A;*
- *Bị cáo;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Văn Hà